STAY HUNGRY FOR SUCCESS

MARKET INSIGHTS

REPORTS

18.06.2024

DÒNG TIỀN TẬP TRUNG ĐẨY NHÓM NGÀNH HÓA CHẤT



CTCP Chứng khoán Smart Invest - Báo cáo thực hiện bởi Trung tâm nghiên cứu và phân tích

NỘI DUNG CHÍNH

03 - 04	CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG
05	TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG
06	PHÂN TÍCH KỸ THUẬT
	VN-Index cần giữ vững hỗ trợ 1,250 điểm
07	HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY
07	CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN
08	DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST
08	TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ
09	BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY
	Sản lượng điện huy động thực tế
10	TTCK MỸ
	Dự báo các chỉ số sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tối nay.

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



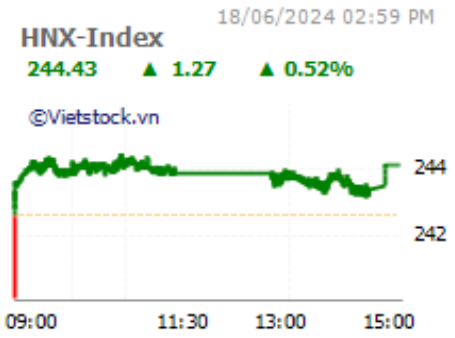



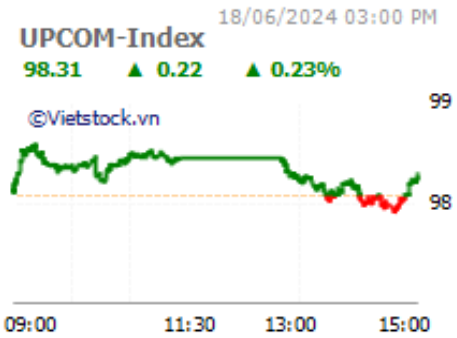

ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	492
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	269
Số cổ phiếu giảm giá	151
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	72

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	245
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	106
Số cổ phiếu giảm giá	71
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	68

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	371
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	171
Số cổ phiếu giảm giá	122
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	78

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	47,489.10	58,677.83	(11,188.73)
% KL toàn thị trường	5.90%	7.29%	
Giá trị	1,426,843	2,080,855	(654,012)
% GT toàn thị trường	6.34%	9.24%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,728.51	1,265.05	463.46
% KL toàn thị trường	5.90%	7.29%	
Giá trị	59,915	36,430	23,484
% GT toàn thị trường	4.95%	3.01%	

UPCOM

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,229.24	824.10	405.14
% KL toàn thị trường	1.84%	1.23%	
Giá trị	127,386	34,147	93,239
% GT toàn thị trường	7.67%	2.06%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	1,370,900	87,100	0 (0%)	14.09	2.80	6,180	486,810
2	BID	1,468,000	46,500	0 (0%)	11.15	2.05	4,171	265,070
3	HPG	16,534,100	29,400	-50 (-0.17%)	18.36	1.62	1,601	188,050
4	GAS	938,200	78,000	400 (0.52%)	15.21	2.64	5,127	179,146
5	CTG	7,746,400	32,350	-400 (-1.22%)	7.98	1.33	4,056	173,719
6	TCB	10,243,100	48,800	200 (0.41%)	8.70	1.25	5,606	171,899
7	VHM	6,588,500	38,300	0 (0%)	7.54	0.85	5,081	166,772
8	FPT	6,680,000	128,000	-800 (-0.62%)	23.10	5.12	5,541	162,556
9	VIC	1,832,400	42,100	100 (0.24%)	18.20	1.02	2,313	160,976
10	VPB	35,291,600	18,600	-150 (-0.8%)	12.15	1.03	1,531	147,571

TỐP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX

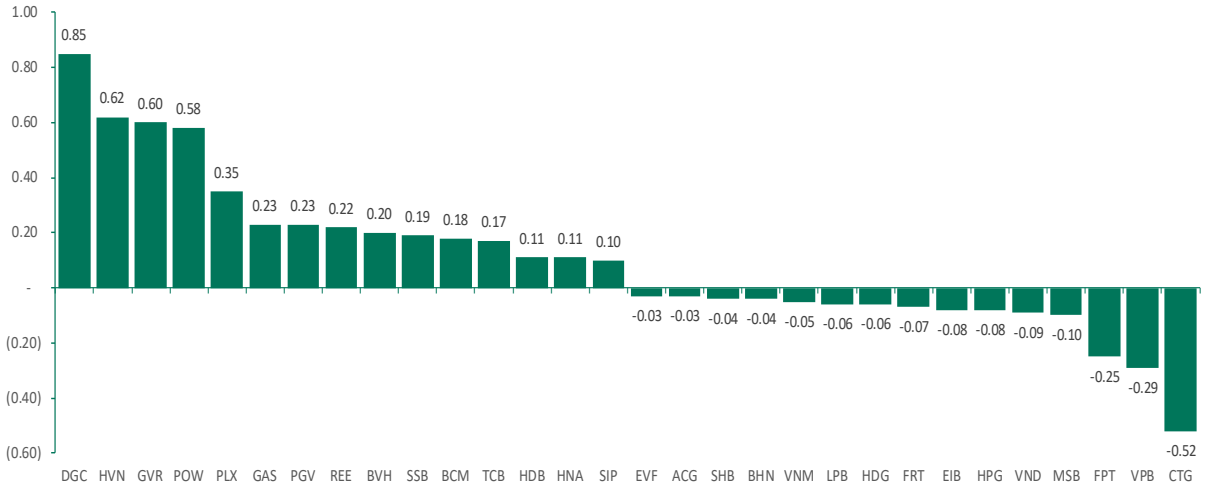

TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

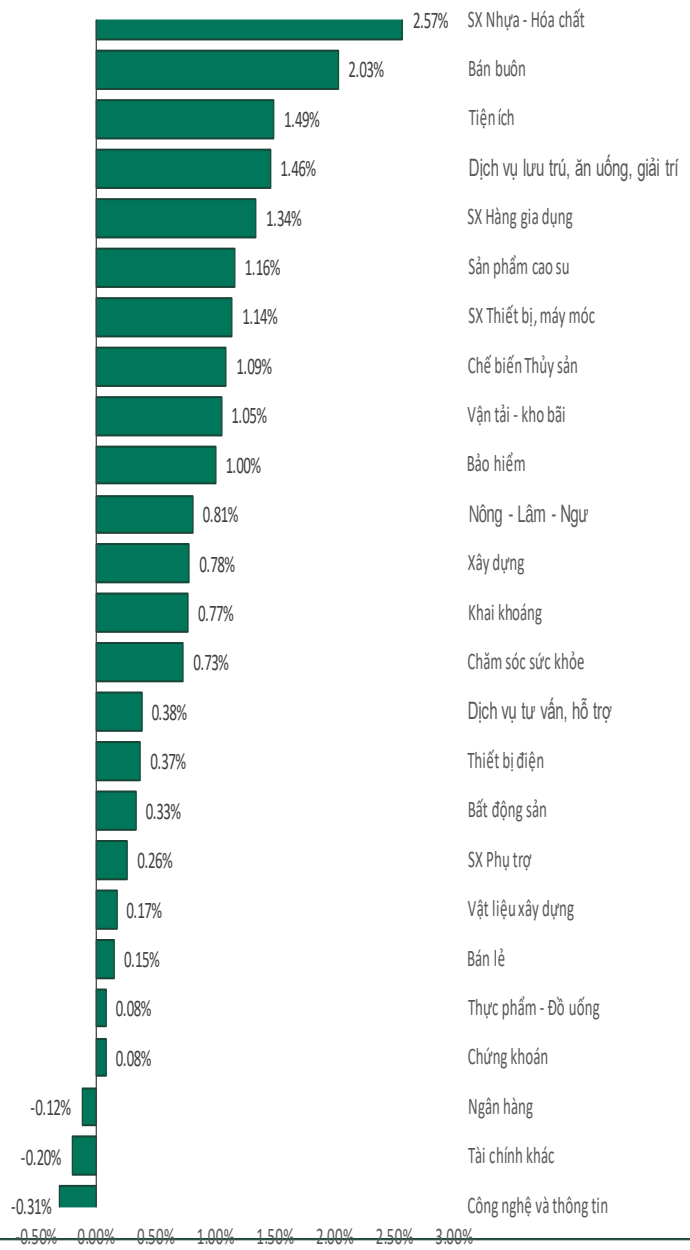

Dòng tiền tập trung đẩy nhóm ngành hóa chất

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng tăng 4.73 điểm (+ 0.37%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Sản xuất nhựa hóa chất, bán buôn, bảo hiểm, tiện ích, dịch vụ lưu trú ăn uống và giải trí, sản xuất hàng gia dụng, sản phẩm cao su, sản xuất thiết bị máy móc, chế biến thủy sản, …là nhóm ngành tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như GVR, DGC, DCM, DPM, BMP, CSV, DPR, PLX, DGW, VFG, HHS, PET, BVH, PVI, GAS, POW, SIP, VNG, NVT, TCM, MSH, TNG, GIL, DRC, CSM, SRC, NHH, AVN, VHC, ASM, IDI, CMX **…** Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) DGC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá đang chạm kháng cự của Confirmation Line của mô hình vai đầu vai là 130 – Một Break out sẽ mở ra triển vọng tăng giá trung hạn với mục tiêu 150;
- ✓ Giá phốt pho vàng tăng giảm quanh mức 3% trong Q2 nên chúng tôi cho rằng Q12/2024, lợi nhuận ròng của DGC duy trì quanh mức 700 – 800 tỷ. Có lẽ tin tức về dự án tại Thanh Hóa được tích cực tháo gỡ khó khăn là điểm nhấn chính hỗ trợ đà tăng giá của cổ phiếu;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 57%;

(ii) DPR tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá đang nằm ở hỗ trợ của kênh tăng giá thiết lập từ 19/4/2024 trở lại đây;
- ✓ Giá cao su tăng 28% từ đầu năm tới nay là tin tức hỗ trợ cho đà tăng giá của DPR;
- ✓ Theo quy hoạch sử dụng đất của tỉnh Bình Phước tới năm 2050 thì DPR có 2,891 ha được chuyển đổi sang đất KCN và thương mại. Trong năm 2024, DPR sẽ nhận được 104 thu nhập từ bồi thường đất;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 61%;

(iii) BVH tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Small White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá chạm hỗ trợ sóng 4 và bắt đầu hình thành tổ hợp nến hồi phục tăng giá;
- ✓ Mục tiêu sóng 5 là 56;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

(iv) GAS tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Near Doji";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá đang trong vùng hỗ trợ sóng 4 mô hình ABC với hỗ trợ 77;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 53%;

(v) POW tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá mục tiêu theo mô hình sóng 5 là vùng giá 16;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 57%;

(vi) VHC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Small White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Mô hình vận động thắt chặt chưa có Break out kháng cự 80;
- ✓ Xuất khẩu cá tra tháng 5 đạt 170 triệu đô tăng 6.7% svck. Lũy kế 5T đạt 750 triệu tăng 2.8% svck. Nhìn chung, ngành cá tra vẫn đang có mức phục hồi yếu từ nền thấp;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 57%;

(2) Công nghệ thông tin, tài chính khác, ngân hàng… là nhóm ngành giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như FPT, OGC, CTG, VPB, LPB, SHB, EIB, MSB…Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) CTG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Closing Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Mô hình lá cờ xuống giá có hỗ trợ quanh vùng 32 – Cổ phiếu cần giữ hỗ trợ này để không tạo mô hình tiêu cực;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(ii) VPB giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Closing Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ VPB vẫn đi ngang trong khung giá 17 – 19.2 và hiện Break out ngày 12/06/2024 vẫn đang là Break out giả. Việc giá giảm trở lại ngay cho thấy tín hiệu tăng giá vẫn yếu chưa như kỳ vọng dù 4 phiên giao dịch vừa qua mẫu hình chưa quá tiêu cực do nhóm cây nến giảm giá chưa xóa cây nến tăng giá;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 57%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: VN-Index cần giữ vững hỗ trợ 1,250 điểm

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch "Small White Candle". Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giảm không phải là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng – Tín hiệu không quá tích cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 536 tỷ đồng. Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: MCH, DBC, HSG, CTR, TPB, POW, HAH, PAN, NTL, TCH ... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: FPT, VPB, DGC, VNM, MWG, HPG, VHM, VND, MSB, VRE … Lũy kế từ đầu năm tới nay, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng hơn 43 nghìn tỷ đồng và dường như họ đang hướng tới một năm bán ròng kỷ lục trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tuy nhiên, về cơ bản với quy mô giao dịch hiện tại, ảnh hưởng của nhà đầu tư nước ngoài đang giảm dần và cầu nội vẫn đóng vai trò là người dẫn dắt đà tăng hay giảm điểm của thị trường.

(ii) VN-Index sau khi thiết lập một Break out và vượt kháng cự 1,300 không có khối lượng chỉ số đã quay đầu giảm điểm trở lại. Tín hiệu này không thể coi là tích cực vì nó tạo ra nguy cơ việc vượt 1,300 điểm có thể sẽ là Failure Break out. Do vậy, chúng ta cần chỉ số vẫn duy trì vùng hỗ trợ 1,250 điểm để tránh rơi vào kiểu mô hình hai đỉnh. Điểm quan trọng quá trình đi xuống không nên xuất hiện các đợt bán với khối lượng tăng cao. Hiện tại có vẻ điều này đang xuất hiện và thị trường vẫn tạo sự phân hóa tích cực.

(iii) Vòng quay rủi ro vẫn tiếp tục, sau một chuỗi điều chỉnh, dòng tiền lập tức đẩy giá nhóm cổ phiếu đã tăng giá tốt trước đó như trường hợp của ngành hóa chất, bảo hiểm, dệt may, tiện ích hôm nay. Như vậy, chúng ta luôn có sự luân chuyển nhịp nhàng giữa các dòng tăng giá và trong mỗi giai đoạn chỉ có 1-2 nhóm cổ phiếu duy trì hiệu suất tích cực cao như vận tải biển trong nửa đầu tháng và chúng tôi kỳ vọng nhóm thép là nhóm có hiệu suất tốt trong thời gian tới. Sản lượng xuất khẩu thép đã tăng trưởng tháng thứ 6 liên tiếp và sản lượng tiêu thụ nội địa tháng 5 cũng tăng tới 39% so với cùng kỳ là những yếu tố chúng ta có thể đặt kỳ vọng ở nhóm này. Toàn bộ lượng bán hàng đều tập trung vào nhóm doanh nghiệp lớn như HSG, NKG, HPG.

Theo phương pháp phân tích "Price Action" với VN30 chúng ta có 03 mã cho tín hiệu mua, 08 mã cho tín hiệu bán, 19 mã cho tín hiệu đi ngang. POW, GVR, SSB…cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 53% và 53.33% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ giảm điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 4. Hỗ trợ là 1,250 điểm và kháng cự là 1,300 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ kỹ thuật cổ phiếu DGC



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	538.85	537.32	540.38	NO	546.52	551.14	558.81	563.43	534.23	526.56	521.94	514.27
HNXINDEX	243.41	242.9	243.92	NO	245.71	247	249.3	250.59	242.12	239.82	238.53	236.23
UPINDEX	98.27	98.25	98.29	YES	98.63	98.94	99.3	99.61	97.96	97.6	97.29	96.93
VN30	1313.01	1314.57	1311.45	NO	1317.68	1325.46	1330.13	1337.91	1305.23	1300.56	1292.78	1288.11
VNINDEX	1281.47	1282.45	1280.48	YES	1284.55	1289.61	1292.69	1297.75	1276.41	1273.33	1268.27	1265.19
VNXALL	2126.8	2128.06	2125.54	YES	2133.78	2143.29	2150.27	2159.78	2117.29	2110.31	2100.8	2093.82
VN30F1M	1313.17	1315.5	1310.83	NO	1317.83	1327.17	1331.83	1341.17	1303.83	1299.17	1289.83	1285.17
VN30F1Q	1314	1316.25	1311.75	NO	1318.5	1327.5	1332	1341	1305	1300.5	1291.5	1287
VN30F2M	1313.33	1315.5	1311.17	NO	1317.67	1326.33	1330.67	1339.33	1304.67	1300.33	1291.67	1287.33
VN30F2Q	1312.13	1314.1	1310.17	NO	1316.07	1323.93	1327.87	1335.73	1304.27	1300.33	1292.47	1288.53
BCM	62.33	62.2	62.47	NO	62.87	63.13	63.67	63.93	62.07	61.53	61.27	60.73
BID	46.68	46.78	46.59	NO	46.87	47.23	47.42	47.78	46.32	46.13	45.77	45.58
ACB	24.55	24.55	24.55	YES	24.7	24.85	25	25.15	24.4	24.25	24.1	23.95
BVH	45.15	45.03	45.28	NO	45.8	46.2	46.85	47.25	44.75	44.1	43.7	43.05
CTG	32.52	32.6	32.43	NO	32.68	33.02	33.18	33.52	32.18	32.02	31.68	31.52
GVR	33.92	33.9	33.93	YES	34.33	34.72	35.13	35.52	33.53	33.12	32.73	32.32
FPT	128.57	128.85	128.28	NO	129.13	130.27	130.83	131.97	127.43	126.87	125.73	125.17
GAS	78.33	78.5	78.17	NO	78.67	79.33	79.67	80.33	77.67	77.33	76.67	76.33
HDB	23.65	23.63	23.67	NO	23.8	23.9	24.05	24.15	23.55	23.4	23.3	23.15
HPG	29.5	29.55	29.45	NO	29.6	29.8	29.9	30.1	29.3	29.2	29	28.9
MBB	23.35	23.4	23.3	NO	23.45	23.65	23.75	23.95	23.15	23.05	22.85	22.75
MSN	76.57	76.75	76.38	NO	76.93	77.67	78.03	78.77	75.83	75.47	74.73	74.37
MWG	61.93	61.8	62.07	NO	62.77	63.33	64.17	64.73	61.37	60.53	59.97	59.13
PLX	40.87	40.8	40.93	NO	41.43	41.87	42.43	42.87	40.43	39.87	39.43	38.87
POW	14.6	14.45	14.75	NO	15.2	15.5	16.1	16.4	14.3	13.7	13.4	12.8
SAB	63.6	63.6	63.6	YES	64	64.4	64.8	65.2	63.2	62.8	62.4	62
SSB	22.77	22.8	22.73	NO	23.03	23.37	23.63	23.97	22.43	22.17	21.83	21.57
SHB	11.65	11.68	11.63	NO	11.7	11.8	11.85	11.95	11.55	11.5	11.4	11.35
SSI	36.08	36.07	36.09	YES	36.32	36.53	36.77	36.98	35.87	35.63	35.42	35.18
TCB	48.7	48.65	48.75	NO	49.2	49.6	50.1	50.5	48.3	47.8	47.4	46.9
STB	30.75	30.85	30.65	NO	30.95	31.35	31.55	31.95	30.35	30.15	29.75	29.55
TPB	18.62	18.63	18.61	YES	18.73	18.87	18.98	19.12	18.48	18.37	18.23	18.12
VHM	38.33	38.35	38.32	YES	38.47	38.63	38.77	38.93	38.17	38.03	37.87	37.73
VCB	87.57	87.8	87.33	NO	88.03	88.97	89.43	90.37	86.63	86.17	85.23	84.77
VIB	22.13	22.17	22.09	NO	22.22	22.38	22.47	22.63	21.97	21.88	21.72	21.63
VIC	42.38	42.53	42.24	NO	42.67	43.23	43.52	44.08	41.82	41.53	40.97	40.68
VJC	104.57	104.55	104.58	YES	105.03	105.47	105.93	106.37	104.13	103.67	103.23	102.77
VPB	18.77	18.85	18.68	NO	18.93	19.27	19.43	19.77	18.43	18.27	17.93	17.77
VNM	66.1	66.2	66	NO	66.3	66.7	66.9	67.3	65.7	65.5	65.1	64.9
VRE	21.18	21.23	21.14	NO	21.27	21.43	21.52	21.68	21.02	20.93	20.77	20.68

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì căn theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
BSR	21,639,900	9,606,490	225	4.29
DGC	13,590,200	2,674,230	508	7
HHS	6,630,600	2,794,120	237	4.81
PAN	3,206,800	1,456,060	220	4.47
NTL	**3,085,600**	**714,580**	**431.81**	**6.97**
TNH	2,865,100	634,710	451	7
ITD	1,616,900	775,640	208	6.98
HT1	**1,161,700**	**440,770**	**263.56**	**1.97**
BCC	825,200	261,110	316	3.33
TEG	593,800	142,610	416	6.94
GKM	**521,500**	**127,240**	**409.86**	**-8.85**
KHP	481,700	166,660	289	3.94
AMS	466,200	154,810	301	3.67
BTS	462,000	126,010	367	-1.69
BMF	425,800	51,170	832	16.18
MFS	**335,100**	**149,360**	**224.36**	**10.97**
TDG	255,900	81,700	313	4
ABC	239,200	96,100	249	8.28
TDS	214,000	9,180	2,331	14.78
V21	166,100	71,880	231	-9.09
TEL	**163,500**	**70,680**	**231.32**	**0**
SGN	151,400	55,830	271	2.84
PSP	138,500	2,510	5,518	6.06
VRG	136,800	65,480	209	1.62
KCB	119,400	13,370	893	0
MVN	**114,600**	**36,460**	**314.32**	**10.09**
VE1	110,500	32,210	343	9.76
VNC	108,100	1,330	8,128	-7.36
VFG	106,000	48,720	218	4.86
DHB	82,600	39,770	208	2.13
SAC	79,000	12,440	635	2.89
HTI	71,700	33,220	216	-0.94
PAT	70,900	18,420	385	5.17
HTE	69,600	30,040	232	0
HNA	66,500	7,320	908	7
PTS	63,700	4,570	1,394	6.1
SVT	62,900	15,210	414	0
NVT	58,900	2,940	2,003	6.92
TSB	48,000	13,560	354	3.6
LIC	46,100	5,210	885	13.68

- Lưu ý: BSR, DGC…có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
12-Jun	VIX	Mua	≤ 19.5	10% -20%	Cổ phiếu xóa mô hình giảm giá và quay trở lại mô hình tăng giá
12-Jun	VCB	Mua	≤ 89.5	10% -20%	Phân kỳ cảnh báo sự đảo chiều/Mô hình hai đáy
12-Jun	VPB	Mua	≤ 20	10% -20%	Cổ phiếu Break out nền giá

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI;**
- Chỉ số cần giữ vững mốc 1,250 điểm trong tuần này để tránh rơi vào mô hình tiêu cực.
- Các nhà đầu tư nên để các lệnh Trailling Stop với các mã cổ phiếu đã về tài khoản;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- **Thị trường ngoại tệ:** Phiên 17/06, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.259 VND/USD, tăng 10 đồng so với phiên cuối tuần trước. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán giao ngay được giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 23.400 VND/USD và 25.450 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 25.454 VND/USD, không thay đổi so với phiên 14/06. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 20 đồng ở chiều mua vào và 10 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 25.750 VND/USD và 25.820 VND/USD.
- **Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 17/06, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,03 - 0,05 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi tăng 0,02 đpt ở kỳ hạn 2W và đi ngang kỳ hạn 1M so với phiên cuối tuần trước; cụ thể: ON 4,40%; 1W 4,55%; 2W 4,75% và 1M 4,90%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,01 đpt ở tất cả các kỳ hạn, giao dịch tại: ON 5,28%; 1W 5,34%; 2W 5,40%, 1M 5,42%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp biến động trái chiều; chốt phiên ở mức: 3Y 1,90%; 5Y 1,97%; 7Y 2,27%; 10Y 2,80%; 15Y 2,98%.
- **Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 3.000 tỷ đồng, kỳ hạn 07 ngày, lãi suất giữ ở mức 4,5%. Không có khối lượng trúng thầu, có 894,57 tỷ đồng đáo hạn. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 2.650 tỷ đồng trúng thầu với lãi suất giữ ở mức 4,25%, có 800 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn. Như vậy, NHNN hút ròng 2.744,57 tỷ đồng từ thị trường, khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường ở mức 70.560 tỷ đồng, khối lượng trên kênh cầm cố ở mức 4.212,27 tỷ đồng.

Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Sản lượng điện huy động thực tế (Theo tháng)

SỐ LIỆU TRONG THÁNG

Date	Tổng sản lượng các nguồn điện	Sản lượng thủy điện	Sản lượng nhiệt điện than	Sản lượng nhiệt điện khí	Sản lượng điện NLTT	Sản lượng điện nhập khẩu & khác
2024 05	**28,090**	4,670	17,080	2,650	3,070	620
2024 04	**26,760**	3,790	16,900	2,460	3,100	510
2024 03	**25,700**	3,298	15,410	2,382	4,164	446
2024 02	**19,730**	2,532	11,830	1,828	3,196	344
2024 01	**23,970**	4,790	12,750	1,850	4,090	490
2023 12	**23,271**	6,334	11,907	1,515	3,222	293
2023 11	**23,228**	7,830	9,930	1,900	3,120	448
2023 10	**24,230**	8,690	10,540	2,080	2,450	470
2023 09	**23,600**	9,600	9,120	1,560	2,780	540
2023 08	**25,720**	11,650	8,130	1,250	4,240	450
2023 07	**25,600**	6,870	13,090	2,480	2,510	650
2023 06	**24,270**	4,024	13,720	2,135	3,548	843
2023 05	**25,460**	5,276	13,220	3,405	2,742	817

Sản lượng điện huy động thực tế (Số liệu lũy kế)

LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM

Date	Tổng sản lượng các nguồn điện	Sản lượng thủy điện	Sản lượng nhiệt điện than	Sản lượng nhiệt điện khí	Sản lượng điện NLTT	Sản lượng điện nhập khẩu & khác
2024 05	**124,250**	19,080	73,970	11,170	17,620	2,410
2024 04	**96,160**	14,410	56,890	8,520	14,550	1,790
2024 03	**69,400**	10,620	39,990	6,060	11,450	1,280
2024 02	**43,700**	7,322	24,580	3,678	7,286	834
2024 01	**23,970**	4,790	12,750	1,850	4,090	490
2023 12	**280,629**	80,904	129,577	26,315	37,922	5,911
1931 11	**257,358**	74,570	117,670	24,800	34,700	5,618
2023 10	**234,130**	66,740	107,740	22,900	31,580	5,170
2023 09	**209,900**	58,050	97,200	20,820	29,130	4,700
2023 08	**186,300**	48,450	88,080	19,260	26,350	4,160
2023 07	**160,580**	36,800	79,950	18,010	22,110	3,710
2023 06	**134,980**	29,930	66,860	15,530	19,600	3,060
2023 05	**110,710**	25,906	53,140	13,395	16,052	2,217

Nhiều cổ phiếu thiết lập mô hình lá cờ tăng giá

Best Buy thiết lập mô hình lá cờ tăng giá – Tín hiệu tích cực

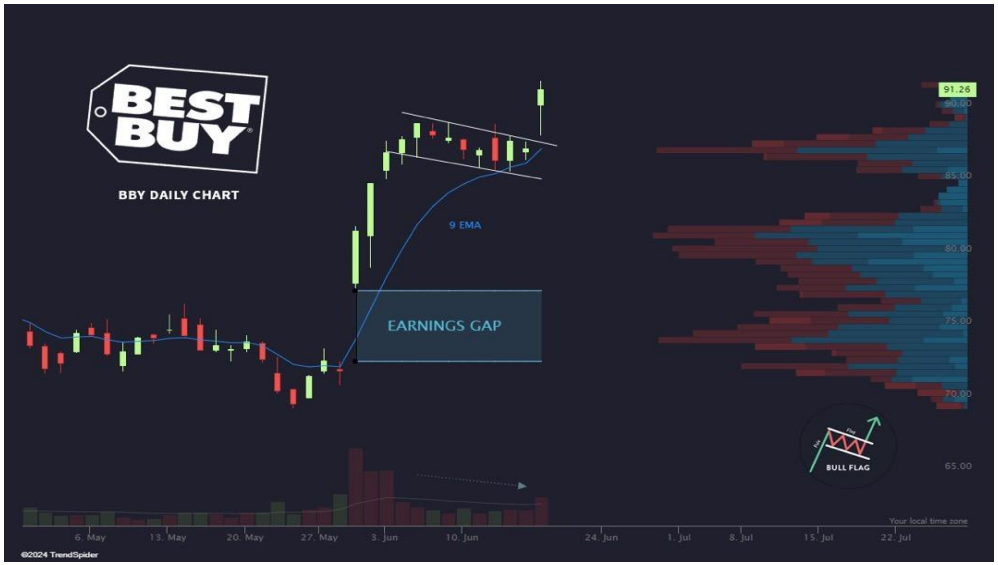

Goldman Sachs thiết lập mô hình lá cờ tăng giá tại ngưỡng hỗ trợ động MA(50)



Phân bổ P/E của S&P 100

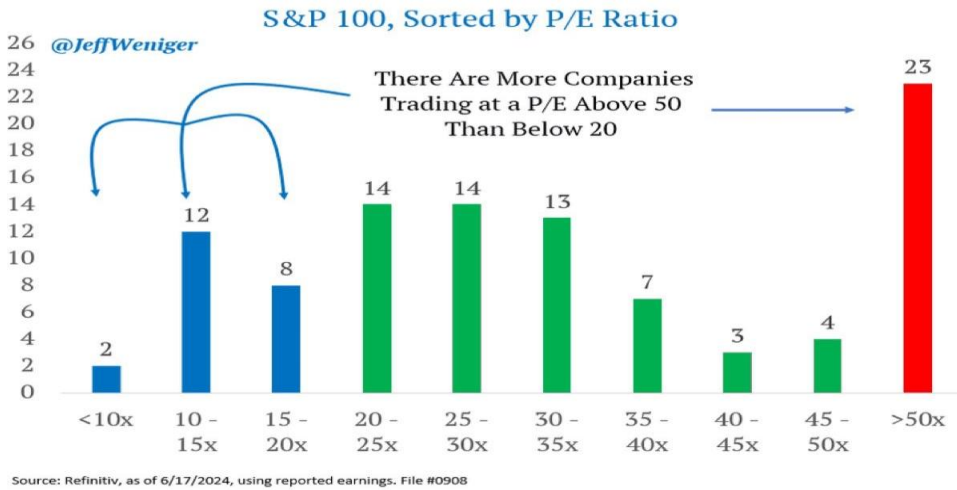

Nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ tài sản tài chính Mỹ cao kỷ lục

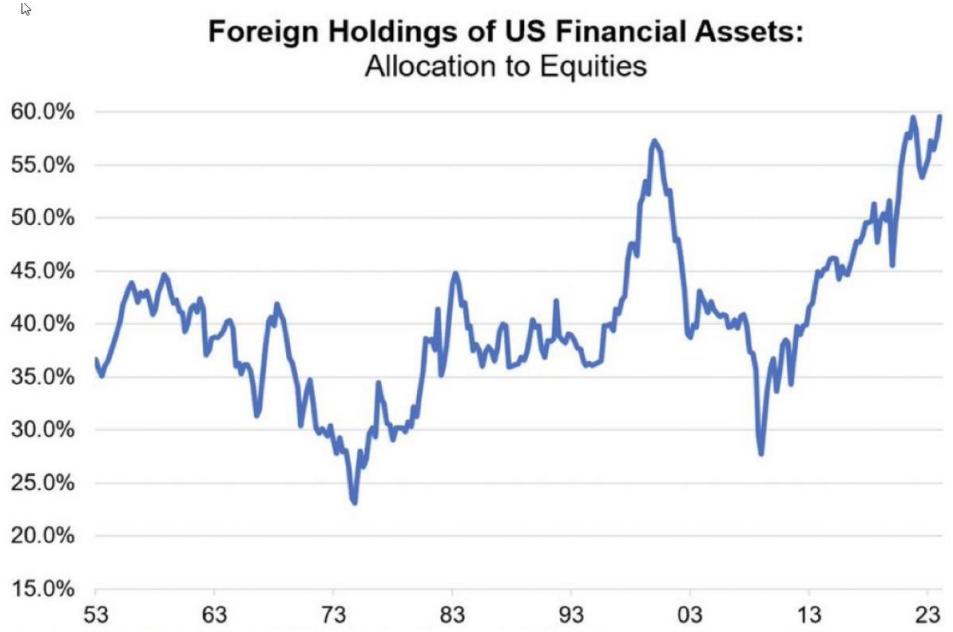

Kết luận: *Dự báo các chỉ số sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tối nay.*

(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

AAS

STAY HUNGRY FOR SUCCESS

CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

https://www.aas.com.vn

Tổng đài: 1900 1811

trungtamcskh@aas.com.vn

Mở tài khoản ngay